TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN ĐỊNH** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **256**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 22-11-2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Minh Chiểu.

2. Bà Phạm Thị Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22/11/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 123/2022/TLST-HNGĐ ngày 06/6/2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/10/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27/10/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đào Thị L, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Thôn V, xã L, huyện Yên Định tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị đơn:* Anh Ngô Văn T, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị L, vắng mặt anh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 30/5/2022, bản tự khai ngày 21/6/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Đào Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Ngô Văn T kết hôn với nhau do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa ngày 28/02/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được 03 tháng, đến giữa

năm 2017 đã bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, không khí gia đình ảm đạm, vợ chồng không quan tâm nhau và không vun vén cho gia đình. Khi mâu thuẫn xảy ra, gia đình hai bên đã hòa giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2021 đến nay, không quan tâm đến nhau. Chị xét thấy vợ chồng chị mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy chị xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Ngô Hà P, sinh ngày 28/3/2017. Cháu P khỏe mạnh bình thường và đang ở với chị. Vợ chồng ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi con. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh Ngô Văn T có hộ khẩu thường trú tại thôn X, xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giao các văn bản tố tụng cho anh T, nhưng anh T không có nhà. Tòa án đã giao thông báo thụ lý vụ án, các giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho bố mẹ anh T, đồng thời niêm yết các văn bản tố tụng này tại UBND xã Đ theo quy định của pháp luật. Anh T đã được bố mẹ thông báo, biết việc Tòa án thụ lý giải quyết vụ án và triệu tập đến Tòa án nhưng anh T không nộp văn bản nêu ý kiến của mình, không đến Tòa án làm việc, không cung cấp địa chỉ nơi ở hiện tại của mình. Vì vậy không có lời khai của anh T và không tiến hành hòa giải được.

Tại biên bản xác minh ngày 24/8/2022, bố đẻ của anh T là ông Ngô Văn M trình bày:

Anh T và chị L kết hôn vào năm 2017. Sau khi kết hôn vợ chồng anh T, chị L sống ở nhà được thời gian ngắn rồi ra Hà Nội làm ăn. Quá trình vợ chồng chung sống vợ chồng mâu thuẫn từ khi nào thì ông không biết. Đến năm 2021 ông mới biết vợ chồng có mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống. Tháng 7/2021, chị L có xin phép ông bà đưa cháu về ngoại sống. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay chị L xin ly hôn, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn.

Về con chung: Anh T và chị L có 01 con chung là cháu Ngô Hà P, sinh ngày 28/3/2017. Cháu đang ở với chị L. Ông đề nghị giao con cho mẹ nuôi.

Về tài sản chung và công nợ chung: Không có gì.

Về thủ tục tố tụng: Anh T đi làm xa không có nhà, thỉnh thoảng mới về thăm nhà, anh T không cung cấp địa chỉ nên ông không biết anh T đang làm ở đâu. Tòa án giao thông báo thụ lý vụ án và các giấy triệu tập ông bà đã nhận được

và đã gọi điện thông báo cho anh T được biết. Anh T có trao đổi với ông là anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn với chị L, nhưng do công việc bận nên anh T chưa về Tòa án làm việc được. Anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn.

- *Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Về hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Đào Thị L được ly hôn anh Ngô Văn T. Về con chung: Giao cháu Ngô Hà P, sinh năm 2017 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị L không yêu cầu. Về án phí: Thực hiện theo quy định của pháp luật.

+ Kiến nghị khắc phục vi trong quá trình giải quyết vụ án: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về thẩm quyền xét xử: Tòa án nhân dân huyện Yên Định thụ lý, giải quyết vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" giữa chị L và anh T là đúng quy định về thẩm quyền xét xử, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T là tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Chị L và anh T đã xảy ra mâu thuẫn từ năm 2021. Qua phần trình bày của các đương sự và xác minh tại gia đình và địa P, xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính cách, quan điểm sống của vợ chồng không hợp nhau. Khi mâu thuẫn xảy gia đã được hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã chính T sống ly thân từ tháng 7/2021 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Chị L xin ly hôn, anh T đã biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án nhưng không về để đến Tòa án tham

gia hòa giải đoàn tụ, điều đó chứng tỏ anh T không có nguyện vọng đoàn tụ. Anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh T mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung đã chấm dứt từ lâu, vợ chồng không quan tâm đến nhau. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, xử cho chị L được ly hôn anh T.

[4] Về con chung:

Chị L và anh T có 01 con chung là cháu Ngô Hà P sinh ngày 28/3/2017. Chị L có nguyện vọng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyện vọng nuôi con của chị L là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật. Chị L có đủ điều kiện để nuôi con. Cháu P đang ở ổn định với chị L, cháu còn nhỏ, rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Vì vậy, giao con cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung, xét thấy đây là sự tự nguyện của chị L, nên không buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị L không yêu cầu giải quyết chia tài sản chung và công nợ chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị L khởi kiện vụ án xin ly hôn nên phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Đào Thị L được ly hôn anh Ngô Văn T.

2. Về con chung: Chị L và anh T có 01 con chung là cháu Ngô Hà P, sinh ngày 28/3/2017. Giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngô Hà P. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, các bên đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đào Thị L phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn)* án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn)* mà chị L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Định, theo Biên lai thu số AA/2021/0003490 ngày 06/6/2022. Chấp nhận chị L đã nộp đủ án phí ly hôn.

5. Quyền kháng cáo: Chị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Yên Định;
- Chi cục THADS huyện Yên Định;
- UBND xã L, huyện Yên Định;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Dung